

CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH BÚA

Tiêu chuẩn bảo hành cho búa có Đường kính đỉnh búa $\phi 45$ - $\phi 165$ 钎杆直径 $\phi 45$ - $\phi 165$ 的破碎锤保修标准		
Tên phụ tùng 部件名称	Thời gian bảo hành khi sử dụng búa theo đúng tiêu chuẩn正确使用情况下质保期限	Những phạm vi không được bảo hành (trong thời gian bảo hành) 质保期间内不予质保情况示例
Thân giữa 中缸体	18 tháng 18 个月	1、 Có vật lạ trong dầu thủy lực; đã vượt quá thời gian thay thế phốt dầu; 2、 Sau hai tháng, xi lanh bị xước (xước do piston bị gãy trong thời gian bảo hành, được bảo hành) 3、 Bạc trong và ngoài đều bị mài mòn quá mức, vượt quá thời gian thay thế. 4、 Rỉ sét hoặc oxy hoá do bảo quản không đúng. 1、 液压油内有异物, 超过油封更换时间; 2、 三个月后, 缸体拉伤(由于活塞在三包时间内断裂造成的拉伤, 予以质保); 3、 内外套过度磨损, 超过更换时间, 长期偏打。油封超过更换时间。 4、 因保存不当造成的生锈或氧化。
Piston, van đảo chiều 活塞、换向阀	18 tháng 18 个月	1、 Có vật lạ trong dầu thủy lực; đã vượt quá thời gian thay thế phốt dầu; 2、 Sử dụng hàng không chính hãng, đỉnh búa, thân piston trước, thân piston sau, bạc trong bạc ngoài mài mòn quá mức dẫn đến piston bị gãy hoặc xước sát. 3、 Sau 3 tháng piston bị xước. 4、 Rỉ sét hoặc oxy hoá do bảo quản không đúng. 1、 液压油内有异物, 超过油封更换时间, 造成拉伤; 2、 使用非原厂钎杆、前缸体、后缸体、内外套过度磨损造成活塞头部碎裂或拉伤; 3、 三个月后活塞拉伤。 4、 因保存不当造成的生锈或氧化。
Thân trước 前缸体	12 tháng 12 个月	1、 Đập liên tục hoặc liên tục vận hành do chốt dẹt bị gãy có thể gây hư hỏng xi lanh trước; 2、 Hư hỏng do các phụ kiện không chính hãng; 3、 Hư hỏng do tác động từ bên ngoài; 1、 连续空打或扁销断裂继续工作造成前缸损伤; 2、 使用非原厂扁销造成的损坏; 3、 由外部的冲击引起的损坏。
Thân sau 后缸体	12 tháng 12 个月	Hư hỏng do tác động từ bên ngoài 由外部的冲击引起的损坏。
Cụm bầu ni tơ (trừ bát đĩa) 蓄能器总成 (皮碗除外)	12 tháng 12 个月	Hư hỏng bầu ni tơ do lỏng bu lông 由于螺栓松动造成蓄能器的损坏。

Bạc trong, bạc ngoài 内衬套、外衬套	3 tháng 3 个月	Hao mòn thông thường hoặc xử lý không đúng cách 正常磨损或者操作不当。
Ốc xuyên tâm Ốc vỏ 通体螺栓、侧板螺栓	3 tháng 3 个月	1、Hư hỏng do thường xuyên không siết chặt 2、Hư hỏng do tác động từ bên ngoài 1、定期不进行拧紧引起的损坏; 2、从外部受到的冲击引起的损坏。
Vỏ ngoài búa 外壳	3 tháng 3 个月	1、Hoạt động theo chiều ngang, các bu lông của vỏ bị lỏng và khiến vỏ bị nứt; 2、Các vết nứt do gia cố trái phép; 3、Nứt mối hàn (khách hàng cần hàn để tự giải quyết); 1、横向操作, 侧板螺栓松动引起外壳开裂; 2、私自加固造成开裂; 3、焊缝开裂(客户需自己焊接解决)。
Tiêu chuẩn bảo hành cho búa có Đường kính đỉnh búa $\phi 175\text{-}\phi 245$ 钎杆直径 $\phi 175\text{-}\phi 245$ 的破碎锤保修标准		
Tên phụ tùng 部件名称	Thời gian bảo hành khi sử dụng búa theo đúng tiêu chuẩn 正确使用情况下质保期限	Những phạm vi không được bảo hành (trong thời gian bảo hành) 质保期间内不予质保情况示例
Thân giữa 中缸体	12 tháng 12 个月	1、Có vật lạ trong dầu thủy lực; đã vượt quá thời gian thay thế phốt dầu; 2、Sau hai tháng, xi lanh bị xước (xước do piston bị gãy trong thời gian bảo hành, được bảo hành) 3、Bạc trong và ngoài đều bị mài mòn quá mức, vượt quá thời gian thay thế. 4、Rỉ sét hoặc oxy hoá do bảo quản không đúng. 1、液压油内有异物, 超过油封更换时间; 2、三个月后, 缸体拉伤(由于活塞在三包时间内断裂造成的拉伤, 予以质保); 3、内外套过度磨损, 超过更换时间, 长期偏打。油封超过更换时间。 4、因保存不当造成的生锈或氧化。
Piston, van đảo chiều 活塞、主阀	12 tháng 12 个月	1、Có vật lạ trong dầu thủy lực; đã vượt quá thời gian thay thế phốt dầu; 2、Sử dụng hàng không chính hãng, đỉnh búa, thân piston trước, thân piston sau, bạc trong bạc ngoài mài mòn quá mức dẫn đến piston bị gãy hoặc xước sát. 3、Sau 3 tháng piston bị xước. 4、Rỉ sét hoặc oxy hoá do bảo quản không đúng. 1、液压油内有异物, 超过油封更换时间, 造成拉伤; 2、使用非原厂钎杆、前缸体、后缸体、内外套过度磨损造成活塞头部碎裂或拉伤; 3、三个月后活塞拉伤。 4、因保存不当造成的生锈或氧化。
Thân trước 前缸体	6 tháng 6 个月	1、Đập liên tục hoặc liên tục vận hành do chốt det bị gãy có thể gây hư hỏng xi lanh trước; 2、Hư hỏng do các phụ kiện không chính hãng; 3、Hư hỏng do tác động từ bên ngoài;

		1、连续空打或扁销断裂继续工作造成前缸损伤； 2、使用非原厂扁销造成的损坏； 3、由外部的冲击引起的损坏。
Thân sau 后缸体	6 tháng 6 个月	Hư hỏng do tác động từ bên ngoài 由外部的冲击引起的损坏。
Cụm bầu ni tơ (trừ bát đĩa) 蓄能器总成 (皮碗除外)	6 tháng 6 个月	Hư hỏng bầu ni tơ do lỏng bu lông 由于螺栓松动造成蓄能器的损坏。
Bạc trong, bạc ngoài 内衬套、外衬套	3 tháng 3 个月	Hao mòn thông thường hoặc xử lý không đúng cách 正常磨损或者操作不当。
Ốc xuyên tâm Ốc vỏ 通体螺栓、侧 板螺栓	3 tháng 3 个月	1、 Hư Hỏng do thường xuyên không siết chặt 2、 Hư hỏng do tác động từ bên ngoài 1、 定期不进行拧紧引起的损坏； 2、 从外部受到的冲击引起的损坏。
Vỏ ngoài búa 外壳	3 tháng 3 个月	1、 Hoạt động theo chiều ngang, các bu lông của vỏ bị lỏng và khiến vỏ bị nứt; 2、 Các vết nứt do gia cố trái phép; 3、 Nứt mối hàn (khách hàng cần hàn để tự giải quyết); 1、 横向操作，侧板螺栓松动引起外壳开裂； 2、 私自加固造成开裂； 3、 焊缝开裂(客户需自己焊接解决)。
Chú thích: 说明: 1、 Nếu khách hàng không tuân thủ thời gian bảo dưỡng của nhà sản xuất, nhà sản xuất có thể từ chối các điều khoản bảo hành trên. 2、 Thời gian bảo hành dựa trên thời gian ghi trong “ Báo cáo lắp đặt búa” 1、 客户未按照厂家的要求按时保养的，厂家可以拒绝以上保修条款 2、 质量保证的起始时间，以安装交机时填写的“破碎锤安装报告”上的时间为准。		

附件三：破碎锤保养内容表 PHỤ LỤC 3: BẢNG NỘI DUNG BẢO DƯỠNG

NỘI DUNG BẢO DƯỠNG 保养内容			
	Phốt dầu 油封	Bạc ngoài 外套	Bạc trong 内套
Búa có đường kính đỉnh búa dưới 175 钎杆直径 175 以下 破碎锤	5 tháng/ 800 giờ 5 个月/800 小时	Khoảng cách mặt cắt ngang giữa bạc trong và bạc ngoài không quá 10mm 横放破碎锤外套和内套的间隙超 过 10mm	Thay 2 lần bạc ngoài thì thay 1 lần bạc trong. 更换两次外套，则更 换一次内套
Búa có đường kính đỉnh búa từ 175 trở lên 钎杆直径 175 以上 破碎锤（含 175）	3 tháng/500 giờ 3 个月/500 小时	Khoảng cách mặt cắt ngang giữa bạc trong và bạc ngoài không quá 8mm 横放破碎锤外套和内套的间隙超 过 8mm	Thay 2 lần bạc ngoài thì thay 1 lần bạc trong. 更换两次外套，则更 换一次内套